TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 13/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 07/4/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Dương Văn Xây

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: không tham gia.

Ngày 07 tháng 4 năm 2017, tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐSTHNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989

ĐKHKTT: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Kiều Công Minh P, sinh năm: 1987

ĐKHKTT: Tổ G, phường L, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Kiều Công Minh P kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố TH, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại gia đình bố mẹ anh P tại Tổ G, phường L, thành phố TH. Quá trình chung sống, vợ chồng đã có 01 con chung là Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/02/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó chị T phát hiện anh P nghiện ma

túy, chị đã cùng gia đình khuyên giải anh P nhiều lần nhưng không được. Do nghiện ma túy nên đến tháng 4 năm 2013 anh P đã phải đi chấp hành án. Còn chị đưa con về nhà mẹ đẻ để sinh sống và nuôi con. Sau khi đi cải tạo về anh P vẫn không thay đổi nên lại phải tiếp tục phải đi chấp hành một bản án mới. Theo chị thời gian hai vợ chồng chung sống với nhau trên thực tế quá ngắn, ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh P để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình và yên tâm nuôi dạy con chung.

Khi ly hôn về con chung: chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/02/2013 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong bản tự khai, anh Kiều Công Minh P xác định: Anh và chị T kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố TH vào năm 2012. Hai vợ chồng có con chung là Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/2/2013. Trong cuộc sống hai vợ chồng có bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp. Nay chị T đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí.

Về cong chung: Anh nhất trí cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/02/2013.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án do anh P bị tạm giam trong một vụ án hình sự khác nên không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTDS, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh P nhưng anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Công Minh P kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường L, thành phố TH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do vậy thừa nhận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P nghiện ma túy, đã hai lần phải đi cải tạo, một mình chị phải nuôi dạy con chung và lo kinh tế gia đình. Hai bên đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa đều nhất trí xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai bên đều thuận tình ly hôn là phù hợp với thực tế. Tuy nhiên do anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2015.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Kiều Nguyễn Nam A, anh P cũng nhất trí chị T là người trực tiếp nuôi con chung. Xét về điều kiện hiện nay anh P đang đi chấp hành án, không có khả năng nuôi dạy con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/02/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. ...".

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, 39, 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

Tuyên xử

1. **Quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Kiều Công Minh P.

2. Về con chung: Giao con chung là Kiều Nguyễn Nam A, sinh ngày 09/02/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung.

* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nghĩa vụ này sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi một trong các bên có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004882 ngày 09/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với chị T; kể từ ngày anh P nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hàh án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hà